

Biểu số 01
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 HUYỆN SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch tỉnh giao năm 2025			Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/03/2025					Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 2					Tăng, giảm so với Nghị quyết số 13/NQ- HĐND ngày 28/03/2025	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết		
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				
							Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8	9=10+13	10=11+12	11	12	13	14=9-4	15
	Tổng số	29.217,0	29.217,0	-	180.174,5	180.174,5	180.174,5	-	-	182.174,5	182.174,5	182.174,5	-	-	2.000,0	
I.	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP	29.217,0	29.217,0	-	164.075,5	164.075,5	164.075,5	-	-	164.075,5	164.075,5	164.075,5	-	-	-	
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	10.497,0	10.497,0	-	10.497,0	10.497,0	10.497,0	-	-	10.497,0	10.497,0	10.497,0	-	-	-	
-	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	7.832,0	7.832,0		7.832,0	7.832,0	7.832,0			7.832,0	7.832,0	7.832,0			-	
-	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	2.665,0	2.665,0		2.665,0	2.665,0	2.665,0			2.665,0	2.665,0	2.665,0			-	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	18.720,0	18.720,0		153.578,5	153.578,5	153.578,5			153.578,5	153.578,5	153.578,5			-	
3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)														-	
II.	Các nguồn thu được để lại đầu tư (nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2024)				16.099,0	16.099,0	16.099,0			16.099,0	16.099,0	16.099,0			-	
III.	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tính năm 2024									2.000,0	2.000,0	2.000,0			2.000,0	

Biểu số 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (Lần 5)			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/03/2025				Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 2				Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú			
					Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trước: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Phân bổ chi tiết		Chưa phân bổ chi tiết (*)	Tổng số	Phân bổ chi tiết				Chưa phân bổ chi tiết (*)		
									Tổng số	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Chưa phân bổ chi tiết (*)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSDP	Chưa phân bổ chi tiết (*)
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB														
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
	TỔNG CỘNG					931.360,0	598.560,0	251.104,7	251.104,7	-	-	87.368,1	87.368,1	164.075,5	164.075,5	164.075,5	-	164.075,5	164.075,5	164.075,5	-	-			
I	NGUỒN CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTĐ					323.000,0	323.000,0	24.111,9	24.111,9	-	-	13.614,9	13.614,9	10.497,0	10.497,0	10.497,0	-	10.497,0	10.497,0	10.497,0	-	-			
I.1	Nguồn cán đối NSDP theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh					318.000,0	318.000,0	20.352,9	20.352,9	-	-	12.520,9	12.520,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																					-			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025					318.000,0	318.000,0	20.352,9	20.352,9	-	-	12.520,9	12.520,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	-			
1	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Ialy	BQL	TT Sa Thầy	2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021	318.000,0	318.000,0	20.352,9	20.352,9			12.520,9	12.520,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0		7.832,0	7.832,0	7.832,0		-	Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 58.536,5 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất; Bổ trí đối ứng 2.668 triệu đồng đối ứng Tiêu dự án 1 - Dự án 4 thuộc Chương trình MTQG dân tộc và miền núi; 67,4 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																					-			
I.2	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)					5.000,0	5.000,0	3.759,0	3.759,0	-	-	1.094,0	1.094,0	2.665,0	2.665,0	2.665,0	-	2.665,0	2.665,0	2.665,0	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																					-			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025					5.000,0	5.000,0	3.759,0	3.759,0	-	-	1.094,0	1.094,0	2.665,0	2.665,0	2.665,0	-	2.665,0	2.665,0	2.665,0	-	-			
	Trường Mầm non Vàng Anh xã Ya Tàng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Ya Tàng	2023-	1825/QĐ-UBND 27/11/2023	1.250,0	1.250,0	939,0	939,0			906,0	906,0	33,0	33,0	33,0		33,0	33,0	33,0		-	Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; Bổ trí đối ứng 33 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM		
2	Trường Mầm non xã Ya Xiêr. Hạng mục: Sửa chữa nhà học, xây mới công hàng rào và hạng mục phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm trường thôn Thanh Xuân	BQL	Xã Ya Xiêr	2023-	1891/QĐ-UBND 11/12/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0				940,0	940,0	940,0		940,0	940,0	940,0		-	Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; Bổ trí đối ứng 74,4 triệu đồng Nội dung số 5, Dự án 1 thuộc Chương trình MTQG dân tộc và miền núi và 865,6 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM			
3	Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Lăng Chư	BQL	Xã Ya Ly	2023-	1843/QĐ-UBND 30/11/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0			188,0	188,0	752,0	752,0	752,0		752,0	752,0	752,0		-	Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; 698,0 triệu đồng đối ứng CTMTQG xây dựng NTM năm 2025. Bổ trí đối ứng 752 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM		
4	Sửa chữa 02 dãy nhà học 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Rô Koi	BQL	Xã Rô Koi	2023-	1892/QĐ-UBND 11/12/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0				940,0	940,0	940,0		940,0	940,0	940,0		-	Bổ trí đối ứng 80 triệu đồng Tiêu dự án 1 - Dự án 5 thuộc thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi và 860 triệu đồng Chương trình MTQG xây dựng NTM			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																					-			
II	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÁN ĐỐI					608.360,0	275.560,0	226.992,8	226.992,8	-	-	73.753,3	73.753,3	153.578,5	153.578,5	153.578,5	-	153.578,5	153.578,5	153.578,5	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																					-			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025					558.000,0	225.200,0	190.820,8	190.820,8	-	-	56.353,3	56.353,3	134.467,5	134.467,5	134.467,5	-	134.467,5	134.467,5	134.467,5	-	-			
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thầy	BQL	TT Sa Thầy	2021-	136/QĐ-UBND 27/01/2021	52.000,0	52.000,0	52.000,0	52.000,0			15.902,8	15.902,8	36.097,2	36.097,2	36.097,2		36.097,2	36.097,2	36.097,2		-			
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân thị trấn làng Xốp, xã Mỏ Rai, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Mỏ Rai	2020-	700/QĐ-UBND 26/7/2020 39/NQ-HĐND 22/10/2021	123.000,0	88.000,0	78.973,7	78.973,7			32.450,4	32.450,4	46.523,2	46.523,2	46.523,2		46.523,2	46.523,2	46.523,2		-	Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tính hỗ trợ; 1.916,839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021; 450,5 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện; 6.659 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024; Bổ trí đối ứng 986,3 triệu đồng Dự án 2 thuộc thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi		
3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Ialy	BQL	H. Sa Thầy	2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021	318.000,0	76.200,0	55.847,1	55.847,1			8.000,0	8.000,0	47.847,1	47.847,1	47.847,1		47.847,1	47.847,1	47.847,1		-	Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 20.352,9 triệu nguồn cán đối NSDP		
4	Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đai tương niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đai tương niệm Chư Tan Kra	BQL	Xã Sa Sơn, xã Ya Xiêr	2023-	656/QĐ-UBND 27/12/2023	65.000,0	9.000,0	4.000,0	4.000,0				4.000,0	4.000,0	4.000,0		4.000,0	4.000,0	4.000,0		-	Chưa bao gồm 49.500 triệu đồng nguồn vốn ngân sách tỉnh (ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ); 3.000 triệu nguồn tăng thu ngân sách huyện; 2.000 triệu đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																					-			

(4)	Nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (để duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn...)					34.360,0	34.360,0	25.502,0	25.502,0	-	-	12.000,0	12.000,0	10.211,0	10.211,0	10.211,0	-	10.211,0	10.211,0	10.211,0	-	-	
1	Thị trấn	Thị trấn		2025		23.400,0	23.400,0	19.632,0	19.632,0			9.355,0	9.355,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0		5.000,0	5.000,0	5.000,0		-	
2	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	2025		50,0	50,0	90,0	90,0			70,0	70,0	5,0	5,0	5,0		5,0	5,0	5,0		-	
3	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	2025		100,0	100,0	100,0	100,0			75,0	75,0	100,0	100,0	100,0		100,0	100,0	100,0		-	Bổ trí đối ứng 19,55 triệu đồng Tiểu dự án 2 - Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi
4	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	2025		50,0	50,0	90,0	90,0			60,0	60,0	20,0	20,0	20,0		20,0	20,0	20,0		-	
5	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	2025		50,0	50,0	90,0	90,0			55,0	55,0	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	10,0		-	
6	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2025		85,0	85,0	105,0	105,0			90,0	90,0	3,0	3,0	3,0		3,0	3,0	3,0		-	
7	Xã Ya Xiết	Xã Ya Xiết	Xã Ya Xiết	2025		50,0	50,0	90,0	90,0			55,0	55,0	28,0	28,0	28,0		28,0	28,0	28,0		-	Bổ trí đối ứng 19,55 triệu đồng Tiểu dự án 2 - Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG Dân tộc và miền núi
8	Xã Rò Koi	Xã Rò Koi	Xã Rò Koi	2025		25,0	25,0	85,0	85,0			50,0	50,0	15,0	15,0	15,0		15,0	15,0	15,0		-	
9	Xã Mố Rai	Xã Mố Rai	Xã Mố Rai	2025		10.500,0	10.500,0	5.130,0	5.130,0			2.130,0	2.130,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0		5.000,0	5.000,0	5.000,0		-	
10	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	2025		50,0	50,0	90,0	90,0			60,0	60,0	30,0	30,0	30,0		30,0	30,0	30,0		-	
(5)	Chi công tác đo đạc, quản lý đất đai	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	H. Sa Thầy	2025		16.000,0	16.000,0	10.670,0	10.670,0			5.400,0	5.400,0	8.900,0	8.900,0	8.900,0		8.900,0	8.900,0	8.900,0		-	

Biểu số 03

TỔNG HỢP VỐN PHÂN CẤP CỦA TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg					Thu tiền sử dụng đất			Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Ghi chú
	Tổng số	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tổng số	Trong đó:			
							Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		
29.217	10.497	7.832	2.665			18.720	12.320	6.400		

Biểu mẫu số 04
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (Lần 5)					Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/03/2025							Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 2					Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Phân bổ chi tiết đợt này				Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này				Chưa phân bổ chi tiết (*)			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								Tổng số			Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28=22-16	29	
	TỔNG SỐ					141.100,0	100.800,0	18.400,4	18.400,4	-	-	2.301,4	2.301,4	16.099,0	16.099,0	16.099,0	-	-	-	16.099,0	16.099,0	16.099,0	-	-	-	-		
I	Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2024					141.100,0	100.800,0	18.400,4	18.400,4	-	-	2.301,4	2.301,4	16.099,0	16.099,0	16.099,0	-	-	-	16.099,0	16.099,0	16.099,0	-	-	-	-		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																									-		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025					141.100,0	100.800,0	18.400,4	18.400,4	-	-	2.301,4	2.301,4	16.099,0	16.099,0	16.099,0	-	-	-	16.099,0	16.099,0	16.099,0	-	-	-	-		
1	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xấp, xã Mỏ Rai, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Mỏ Rai	2020-	700/QĐ-UBND 26/7/2020 của UB tỉnh 39/NQ-HĐND 22/10/2021 của HD tỉnh	123.000,0	88.000,0	7.109,5	7.109,5			450,5	450,5	6.659,0	6.659,0	6.659,0				6.659,0	6.659,0	6.659,0				-	Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tỉnh hỗ trợ; 1.916.839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021; 78.973.661 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất	
2	Trường Mầm non Sơn Ca; hạng mục: Xây mới 03 phòng học; khu nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Hơ Moong	2024-2025	1001/QĐ-UBND 22/5/2024	4.300,0	4.300,0	3.569,0	3.569,0			400,0	400,0	3.169,0	3.169,0	3.169,0				3.169,0	3.169,0	3.169,0				-		
3	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn, hạng mục: Xây mới nhà học hai tầng 04 phòng và các hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Hơ Moong	2024-2025	1015/QĐ-UBND 24/5/2024	3.000,0	3.000,0	2.807,0	2.807,0			400,0	400,0	2.407,0	2.407,0	2.407,0				2.407,0	2.407,0	2.407,0				-		
4	Trường Mầm non Tuổi Thơ, hạng mục: Xây mới nhà học 03 phòng và các hạng mục phụ trợ điểm trường K'Bay	BQL	Xã Hơ Moong	2024-2025	1051/QĐ-UBND 28/5/2024	2.800,0	2.800,0	2.284,0	2.284,0			-		2.284,0	2.284,0	2.284,0				2.284,0	2.284,0	2.284,0				-	Chưa bao gồm 365,483 triệu đồng nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2023	
5	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Làng KĐin, xã Mỏ Rai, huyện Sa Thầy	BQL	Xã Mỏ Rai	2024-2025	581/QĐ-UBND 15/3/2024; 441/QĐ-UBND 17/03/2025	5.500,0	200,0	200,0	200,0			-		200,0	200,0	200,0				200,0	200,0	200,0				-		
6	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trụ sở làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể huyện Sa Thầy	BQL	Thị trấn Sa Thầy	2024-2025	1014/QĐ-UBND 24/5/2024	2.500,0	2.500,0	2.430,9	2.430,9			1.050,9	1.050,9	1.380,0	1.380,0	1.380,0				1.380,0	1.380,0	1.380,0				-		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

Biểu mẫu số 05
NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (lần 5)					Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2024		Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 28/03/2025				Kế hoạch huyện giao năm 2025 điều chỉnh - lần 2				Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:								
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=19-15	24	
	TỔNG SỐ					65.000,000	9.000,000								-	-	-	-	2.000,000	2.000,000	-	-	2.000,000	
I	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024					65.000,000	9.000,000								-	-	-	-	2.000,000	2.000,000	-	-	2.000,000	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																						-	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025					65.000,000	9.000,000								-	-	-	-	2.000,000	2.000,000	-	-	2.000,000	
1	Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đai tương niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đai tương niệm Chư Tan Kra	BQL	Xã Sa Sơn, xã Ya Xiết	2023-	656/QĐ-UBND 27/12/2023	65.000,000	9.000,000	2.000,000	2.000,000				-		-				2.000,000	2.000,000			2.000,000	Chưa bao gồm 49.500 triệu đồng nguồn vốn ngân sách tỉnh (ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ); 3.000 triệu đồng nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2023; 4.000 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2025																							